

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Thanh Tiến.

Ông Trần Văn Danh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Võ Văn T, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hữu D, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị Hữu D tự nguyện chung sống với nhau bắt đầu từ năm 2000. Mặc dù, không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 31/5/2002 theo quy định. Trong quá trình chung sống, ông bà đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà không hợp nhau, thường xuyên cự cãi bất hoà, hôn nhân không hạnh phúc. Ông bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Bên cạnh đó, do hoàn cảnh kinh tế gia đình, ông T đi làm quanh năm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Đến

c cuối năm 2018, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, ông T đã về quê nhà tại ấp Rọc Lá, xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang sinh sống, nên ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nên ông T yêu cầu ly hôn với bà D.

- Về con chung: Ông T và bà D có 01 con chung là anh Võ Thành T1, sinh ngày 14/7/2002. Hiện anh T1 đã thành niên và có gia đình riêng nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, ông T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hữu D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bà D từ chối nhận văn bản tố tụng, không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T có đơn xin được vắng mặt, bị đơn bà D vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Võ Văn T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hữu D nên đây là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà D có nơi cư trú tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Võ Văn T có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Hữu D đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà D.

[3] Về hôn nhân: Ông T và bà D chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, xã A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 31/5/2002, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa ông T và bà D xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để bà D trình bày ý kiến và tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng bà D vẫn từ chối nhận văn bản tố tụng, vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ bà D không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa bà với ông T.

Thấy rằng, giữa ông T và bà D không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà D đã trầm trọng, hạnh phúc hôn

nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông T và bà D có 01 con chung là anh Võ Thành T1, sinh ngày 14/7/2002 đã thành niên, ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Văn T, ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hữu D.

2. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008729 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên ông T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**

